TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số:33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2023
V/: Không công nhận
quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Nguyễn Thị Mai Hương;
2- Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Th 31 tuổi
Địa chỉ: Thôn 2 T- xã Ph- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Văn T 35 tuổi
Địa chỉ: Thôn L Đ- xã A L- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10-3-2023 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Phùng Thị Th trình bày: Chị và anh Đặng Văn T về sống chung như vợ chồng năm 2010, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai người sống ly thân ba năm nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định tình cảm không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Chị và anh T có hai con chung là Đặng Đăng T1 sinh ngày 10-5-2011 và Đặng Đăng Kh sinh ngày 17-5-2013, ly hôn chị để anh Đặng Văn T trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Trong các lời khai bị đơn là anh Đặng Văn T trình bày cơ bản như lời khai của chị Th. Nay xác định không thể tiếp tục chung sống, anh cũng đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung, khi ly hôn anh sẽ nuôi cả hai cháu Đặng Đăng T1 và Đặng Đăng Kh, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 9; điều 14; điều 53; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị Th và anh Đặng Văn T; giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Phùng Thị Th phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Phùng Thị Th và anh Đặng Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã An Lạc- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đặng Văn T có đơn đề nghị vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Th và anh Đặng Văn T về sống chung như vợ chồng năm 2010 không đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Trong những năm qua giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, xác định không thể chung sống lâu dài, chị Th đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Để góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân, gia đình tiến bộ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "V*iệc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện...*"; *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."*. Thực tế trong vụ án này chị Phùng Thị Th và anh Đặng Văn T về chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần phải áp dụng những quy định trên đây để tuyên bố chị Th và anh T không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, chị Phùng Thị Th và anh Đặng Văn T có hai cháu là Đặng Đăng T1 sinh ngày 10-5-2011 và Đặng Đăng Kh sinh ngày 17-5-2013. Khi ly hôn chị Th muốn để anh T trực tiếp nuôi con. Trong biên bản lấy lời khai cả cháu T1 và cháu Kh đều có nguyện vọng ở với bố. Qúa trình giải quyết vụ án anh T cũng nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Quan điểm của anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con cần ghi nhận. Do anh T không yêu cầu nên chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[3] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị Th và anh Đặng Văn T.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai cháu Đặng Đăng T1 sinh ngày 10-5-2011 và Đặng Đăng Kh sinh ngày 17-5-2013 cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Phùng Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Phùng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, xác nhận đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0003474 ngày 13-3-2023.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Phùng Thị Th có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô